



SELECT



Câu 1. Tập hợp $X = \{1; 2; 3\}$ có số phần tử là

- A. 0. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 2. Trong các tập hợp sau đây, tập hợp có một phần tử là

- A. $\{x, y\}$. B. $\{x\}$. C. $\{x; 1\}$. D. $\emptyset$.

Câu 3. Cho tập hợp $M = \{a, b, x, y\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $a \notin M$. B. $y \in M$. C. $1 \in M$. D. $b \notin M$.

Câu 4. Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. $1 \in A$. B. $6 \notin A$. C. $5 \in A$. D. $0 \in A$.

Câu 5. Cho tập hợp $A = \{2; 5; 8\}$ và tập hợp $B = \{2; 6\}$. Khẳng định đúng là

- A. Phần tử 2 vừa thuộc tập hợp A vừa thuộc tập hợp B.
B. Phần tử 2 chỉ thuộc tập hợp A.
C. Phần tử 2 chỉ thuộc tập hợp B.
D. Phần tử 5 vừa thuộc tập hợp A, vừa thuộc tập hợp B.





SELECT



Câu 6. Cho $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 \leq x < 8 \text{ và } 8.x = 0\}$. Khi đó

- A.** $A = \{0\}$. **B.** $A = \{8\}$. **C.** $A = \emptyset$. **D.** $A = \{\emptyset\}$.

Câu 7. Cho tập hợp A là tập hợp các số tự nhiên có hai chữ số mà chữ số hàng chục gấp đôi chữ số hàng đơn vị. Tập hợp A viết theo cách liệt kê là

- A.** $A = \{20; 21; 42; 63; 84\}$. **B.** $A = \{21; 42; 63; 84\}$.
C. $A = \{12; 24; 36; 48\}$. **D.** $A = \{10; 12; 24; 36; 48\}$.

Câu 8. Cho tập hợp $C = \{3; 4; 5; 6; 7; 8\}$. Nếu viết tập hợp trên dưới dạng chỉ ra tính chất đặc trưng thì cách viết nào dưới đây đúng?

- A.** $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 < x < 8\}$. **B.** $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 < x \leq 8\}$.
C. $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 < x \leq 9\}$. **D.** $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 \leq x < 9\}$.

Câu 9. Số phần tử của tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 < x \leq 20\}$ là

- A.** 10. **B.** 11. **C.** 12. **D.** 9.



SELECT



Câu 10. Dùng ba chữ số 0; 6; 8 để viết số tự nhiên, hỏi có bao nhiêu số tự nhiên có 3 chữ số mà các chữ số khác nhau.

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5

Câu 11. Dùng bốn chữ số 0; 3; 5; 7 viết số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau mà chữ số 7 có giá trị là 70. Số đó là

- A. 3570. B. 3075. C. 5370. D. 3057

Câu 12. Nếu thêm chữ số 5 vào sau số có ba chữ số thì được số tự nhiên mới là

- A. tăng 5 đơn vị so với số tự nhiên cũ.
B. tăng gấp 10 lần so với số tự nhiên cũ.
C. tăng gấp 10 lần và thêm 5 đơn vị so với số tự nhiên cũ.
D. giảm 10 lần và thêm 5 đơn vị so với số tự nhiên cũ.

Câu 13. Mẹ cho An một số tiền để mua vở viết. Mẹ đưa cho An 1 tờ tiền mệnh giá 100 000 đồng, 3 tờ tiền mệnh giá 20 000 đồng, 4 tờ tiền mệnh giá 10 000 đồng và 1 tờ tiền mệnh giá 5000 đồng. Hỏi An mua được nhiều nhất bao nhiêu quyển vở biết giá mỗi quyển vở là 5 500 đồng.

- A. 37 vở. B. 38 vở. C. 39 vở. D. 40 vở.



SELECT



Câu 14.. Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 < x \leq 7\}$, tích các phần tử của tập hợp A có chữ số tận cùng là

- A. 5. B. 4. C. 0. D. 6.

Câu 15. Cho tập hợp $B = \{0; 1; 2\}$, có bao nhiêu số tự nhiên có hai chữ số mà hàng chục nhỏ hơn hàng đơn vị được lập bởi các số trong tập hợp B ?

- A. 1. B. 6. C. 4. D. 2.

Câu 16. Tính tổng các phần tử của tập hợp $C = \{x \in \mathbb{N}^+ \mid x \leq 9\}$.

- A. 45. B. 44. C. 43. D. 42.

Câu 17. Cho tập hợp $D = \{x \in \mathbb{N}^+ \mid x:5, x \leq 20\}$. Hãy mô tả lại tập hợp D bằng cách liệt kê phần tử.

- A. $D = \{0; 5; 10; 15; 20\}$. B. $D = \{5; 10; 15; 20\}$.
C. $D = \{0; 5; 10; 15\}$. D. $D = \{5; 10; 15\}$.

Câu 18. Gọi A là tập hợp các số tự nhiên chia cho 5 dư 1 và không vượt quá 2021. Khi đó số phần tử của A là

- A. 405. B. 404. C. 403. D. 402.





SELECT



Câu 19. Kết quả của phép tính $2^6 : 2$ là

- A. 2^7 . B. 2^5 . C. 2^6 . D. 1^6 .

Câu 20. Viết số 723 dưới dạng tổng các lũy thừa của 10 là

- A. $723 = 7 \cdot 10^2 + 2 \cdot 10 + 3 \cdot 10^0$. B. $723 = 7 \cdot 10^3 + 2 \cdot 10^2 + 3 \cdot 10^1$.
C. $723 = 7 \cdot 10^0 + 2 \cdot 10 + 3 \cdot 10^2$. D. $723 = 7 \cdot 100 + 20 + 3$.

Câu 21. Kết quả của phép tính $16^3 \cdot 2^4$ là

- A. 16^3 . B. 2^7 . C. 16^7 . D. 16^4 .

Câu 22. Kết quả của phép tính $3^3 \cdot 4^2$ bằng

- A. 423. B. 432. C. 324. D. 323.

Câu 23. Giá trị của 3^4 bằng

- A. 9. B. 27. C. 81. D. 243.

Câu 24. Kết quả của phép tính $5^3 \cdot 5^4 : 5^5$ bằng

- A. 10. B. 25. C. 52. D. 5^6 .

Câu 25. Chọn đáp án đúng.

- A. $2^3 < 2^7$. B. $2^3 = 2^7$. C. $2^3 > 2^7$. D. $2^9 \leq 2^7$.





TỰ LUẬN



Bài 1: Lúc 6 giờ 50 phút bạn Việt đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 15 km/h . Lúc 7 giờ 10 phút bạn Nam đi xe đạp từ B đến A với vận tốc 12 km/h . Hai bạn gặp nhau ở C lúc 7 giờ 30 phút. Tính quãng đường AB.

Bài 2: Trên tia Ax lấy hai điểm B và C sao cho $AB = 3 \text{ cm}$, $AC = 4 \text{ cm}$.

a. Tính độ dài đoạn BC .

b. Vẽ tia Ay là tia đối của tia Ax , trên tia Ay lấy điểm D sao cho $AD = 3 \text{ cm}$. Tính BD và CD .

Bài 3: Trên tia Ox lấy hai điểm sao cho $OA = 2 \text{ cm}$, $OB = 6 \text{ cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.

b) Trên tia đối của tia Ox lấy điểm C sao cho $OC = 3 \text{ cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng AC.

c) Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng OB. Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng CI không? Vì sao?

Bài 4: Cho đoạn thẳng AB . Gọi M và N lần lượt là trung điểm của AB và AM .
và $AN = 1,5 \text{ cm}$. Tính AB .





THÔNG ĐIỆP



Em hãy nêu 3 từ khóa về phẩm chất mà em cần đạt được trong bài này và sau đó hãy viết một bài thuyết trình khoảng 150 từ về 3 từ khóa em đã tìm được vào vở, sau đó chụp gửi cho cô nhé!

Lưu ý: Tất cả các bài tập ở trên làm ở 2 dạng:

- Chọn đáp án trực tiếp trên đây
- Sau đó làm theo kiểu tự luận ra vở

Rất mong phụ huynh đồng hành cùng các con!

